|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**Số: /2025/TT- NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập -Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**THÔNG TƯ**

**DỰ THẢO LẦN 1**

**Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP**

**ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ**

 **phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo**

**Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và**

**Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư* *hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, ân hạn nợ, khoanh nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Khách hàng vay vốn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP (sau đây gọi là khách hàng).

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**

1. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, ân hạn nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của các khoản vay thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ân hạn nợ, khoanh nợ, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của các khoản vay thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn không quy định tại Thông tư này, tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn nợ, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và theo dõi lãi phải thu**

1. Trường hợp khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP theo xác định của tổ chức tín dụng và khách hàng, tổ chức tín dụng xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc, lãi của khoản nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng và đáp ứng các quy định sau đây:

a) Có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày xảy ra nguyên nhân khách quan, bất khả kháng;

b) Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ đã thỏa thuận.

c) Khách hàng được tổ chức tín dụng đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.

d) Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) đối với khoản nợ ngắn hạn không vượt quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

đ) Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) đối với khoản nợ trung, dài hạn không vượt quá 24 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

e) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này chỉ được thực hiện 01 (một) lần đối với một nguyên nhân khách quan, bất khả kháng cụ thể theo xác định của tổ chức tín dụng và khách hàng.

2. Khoản nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo các quy định pháp luật khác nếu đáp ứng được quy định tại Thông tư này thì tổ chức tín dụng được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này.

3. Tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư này theo quy định tại Nghị định số 156/2025/NĐ-CP.

4. Đối với số lãi phải thu của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo Nghị định số 156/2025/NĐ-CP của Chính phủ, kể từ ngày được cơ cấu lại, tổ chức tín dụng không phải hạch toán thu nhập (dự thu) mà thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu; thực hiện hạch toán vào thu nhập khi thu được theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 5. Ân hạn nợ**

Đối với khách hàng vay để trồng, chăm sóc, tái canh cây lâu năm, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời gian ân hạn nợ gốc và lãi phù hợp với giai đoạn kiến thiết của cây trồng lâu năm. Thời gian ân hạn là khoảng thời gian tính từ khi tổ chức tín dụng bắt đầu giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

**Điều 6. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm**

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của các khoản vay thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**

1. Tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).

2. Tổ chức tín dụng xác định và ghi rõ mục đích cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn tại thỏa thuận cho vay, hợp đồng tín dụng; theo dõi riêng hồ sơ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

3. Tổ chức tín dụng ban hành quy định nội bộ để thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống về:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Thông tư này, trong đó quy định cụ thể các nội dung sau:

i) Tiêu chí xác định khách hàng, số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này;

ii) Trình tự, thủ tục, phân công, phân cấp, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này bảo đảm nguyên tắc cá nhân, bộ phận quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ không là cá nhân, bộ phận phê duyệt cấp tín dụng, trừ trường hợp việc cấp tín dụng do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thông qua. Trường hợp việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thông qua cơ chế hội đồng thì Chủ tịch Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng và ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là thành viên của Hội đồng xét duyệt tín dụng;

iii) Tần suất rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ; theo dõi, kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này;

b) Cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và khoản 10 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 156/2025/NĐ-CP).

4. Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về:

a) Quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này, thực hiện kiểm tra, kiểm soát nội bộ đảm bảo giám sát chặt chẽ, an toàn, phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ để trục lợi.

b) Tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoanh nợ.

5. Tổ chức tín dụng gửi 01 (một) bản quy định nội bộ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi đặt trụ sở chính) theo quy định pháp luật.

6. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm gửi báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ hằng quý (trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo) báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Trách nhiệm của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) Theo dõi, đôn đốc, tra soát mẫu biểu báo cáo của tổ chức tín dụng (không bao gồm quỹ tín dụng nhân dân) theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc phối hợp với Bộ Tài chính xem xét xử lý đề nghị khoanh nợ theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP);

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của Vụ Chính sách tiền tệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng

a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng mở chi nhánh, phòng giao dịch tại địa bàn nông thôn theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

4. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

a) Thực hiện thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của tổ chức tín dụng theo chức năng, nhiệm vụ;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

5. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực

a) Theo dõi, đôn đốc, tra soát mẫu biểu báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ tại địa bàn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Khu vực theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP);

c) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng…. năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

b) Thông tư số 25/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Như khoản 3 Điều 9;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng Thông tin điện tử NHNN; - Lưu: VP, PC, TDCNKT (3b). | **THỐNG ĐỐC** |